THTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Hùng,

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 680/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1987. (có mặt)

Hộ khẩu: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Tạm trú: Khu vực B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Võ Minh T, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 01 tháng 7 năm 2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Th trình bày: Chị và anh T cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 09/9/2011. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được tám năm. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau, anh T hay ghen tuông vô cớ, hành hung đánh đập Chị nên Chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6 năm 2019, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên Chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 2 con chung tên Võ Thảo V, sinh ngày

21/5/2012 và Võ Minh Nh, sinh ngày 02/4/2014, hai con hiện đang sinh sống với anh T. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được nuôi 2 con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng/1cháu.

Về tài sản chung: Chị nêu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Minh T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh có lời nói không đúng với vợ. Nay, chị Th xin ly hôn thì Anh đồng ý.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 2 con chung tên Võ Thảo V, sinh ngày 21/5/2012 và Võ Minh Nh, sinh ngày 02/4/2014, hai con hiện đang sinh sống với Anh. Anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Võ Minh T; anh T có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (có xác nhận của Công an xã) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 09/9/2011 nên hôn nhân giữa Anh Chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị Th, anh T phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Chị Th cho rằng năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau, anh T hay ghen tuông vô cớ, hành hung đánh đập Chị nên Chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6 năm 2019. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên Chị yêu cầu ly hôn với anh T. Ngược lại anh T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh có lời nói không đúng với vợ. Nay, chị Th xin ly hôn thì Anh đồng ý.

Xét thấy, anh T, chị Th đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến

nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau, anh T hay ghen tuông vô cớ, hành hung đánh đập chị Th. Xét thấy hôn nhân giữa chị Th , anh T đã không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tại phiên tòa, anh T đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị Th, anh T trình bày quá trình chung sống có 2 con chung tên Võ Thảo V, sinh ngày 21/5/2012 và Võ Minh Nh, sinh ngày 02/4/2014, hai con hiện đang sinh sống với anh T. Tại phiên tòa, anh T và chị Th có tranh chấp quyền nuôi dưỡng con. Xét thấy hiện tại, anh T đang nuôi dưỡng hai cháu, để đảm bảo sự phát triển bình thường và theo nguyện vọng của cháu Vy thấy rằng cần tiếp tục giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị Th trình bày tự thỏa thuận. Anh T nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị Th, anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Th đối với anh Võ Minh T về việc "Ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Th với anh Võ Minh T.

2. Về con chung: Anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Võ Thảo V, sinh ngày 21/5/2012 và Võ Minh Nh, sinh ngày 02/4/2014, hai con hiện đang sinh sống với anh T. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003022 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Chị Th đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Sơn